CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền

Ngày 30/06/2025	3,290 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.6%	**-7.3%**	**-3.8%**

DT thuần
Q2/25
4.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.08| -1.8%
YoY: ▼0.13| -2.9%

LN thuần
Q2/25
2.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.40| -61.1%
YoY: ▼0.15| -5.0%

LN sau thuế
Q2/25
2.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.38| -61.0%
YoY: ▲ 0.80| 40.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
65.1%
YoY: +/-▼ 98.6%

ROE (TTM)
Q2/25
1.4%
YoY: +/-▲ 0.1%

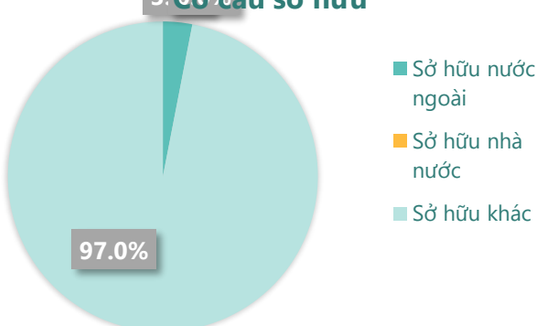
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,830 - 4,480
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	315
Số lượng CPLH (CP)	95,684,090
KLGD BQ 20 phiên (CP)	195,055
Sở hữu nước ngoài	3.0%
Beta	0.93
EPS	153
P/E	21.5

DT thuần
6T 2025
8.70
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.31| -3.5%

LN thuần
6T 2025
10.00
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.89| 63.6%

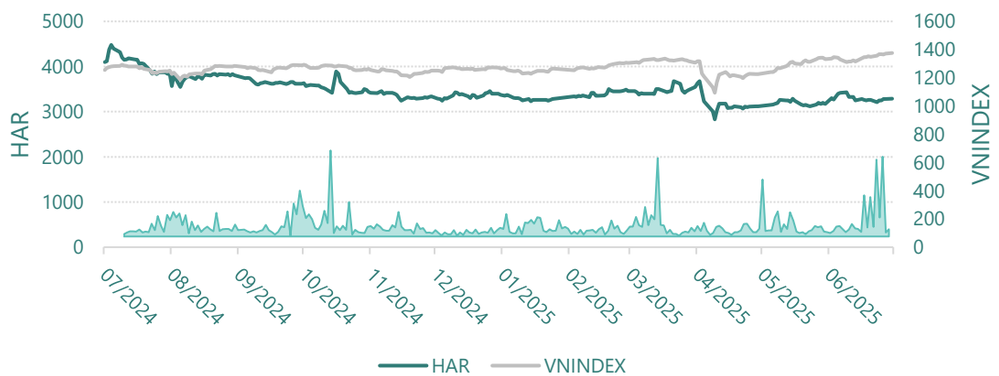
LN sau thuế
6T 2025
9.98
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.82| 93.3%

Cơ cấu sở hữu

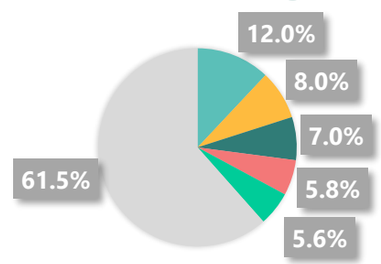


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

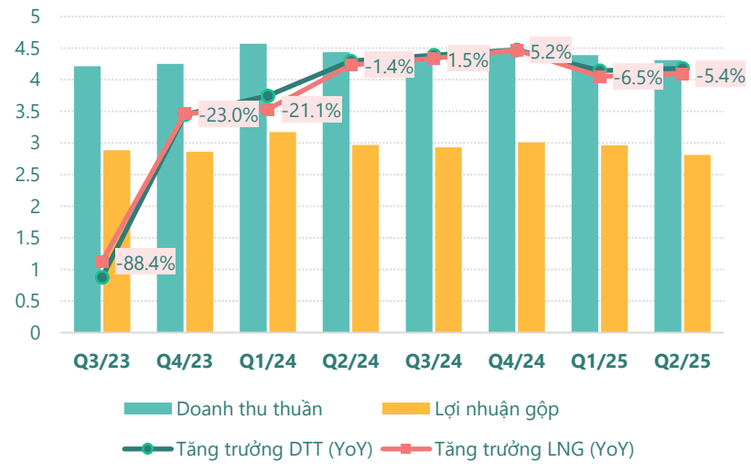


- Nguyễn Gia Bảo (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Thai Invest International
- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư KGB
- Nguyễn Nhân Bảo (Phó Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền

(Nguồn: fireant.vn)

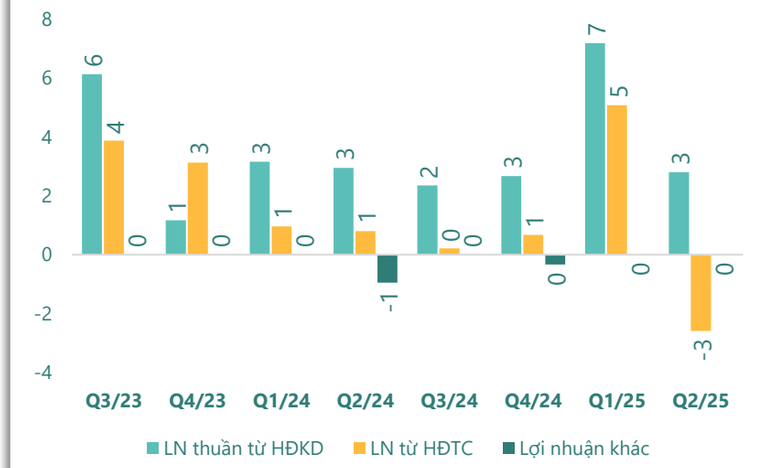
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



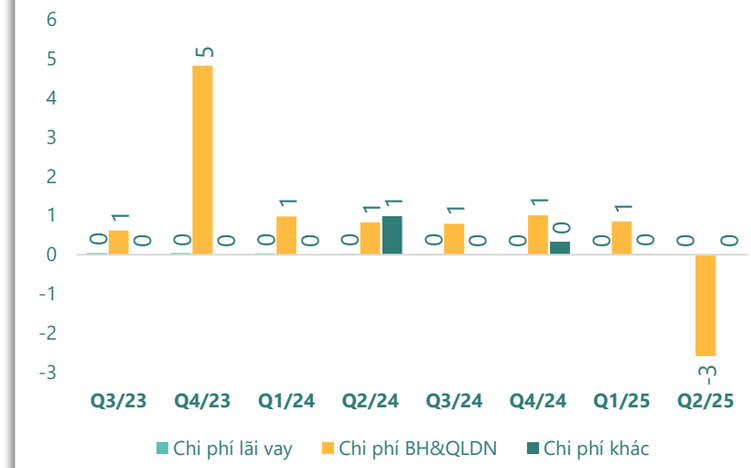
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



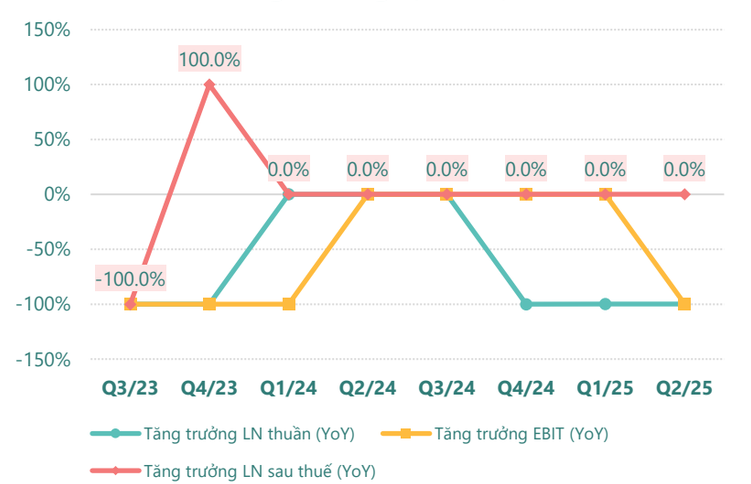
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



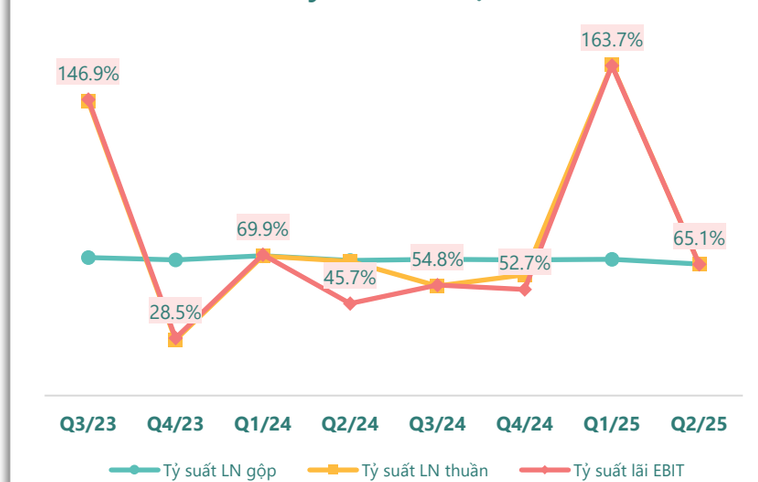
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



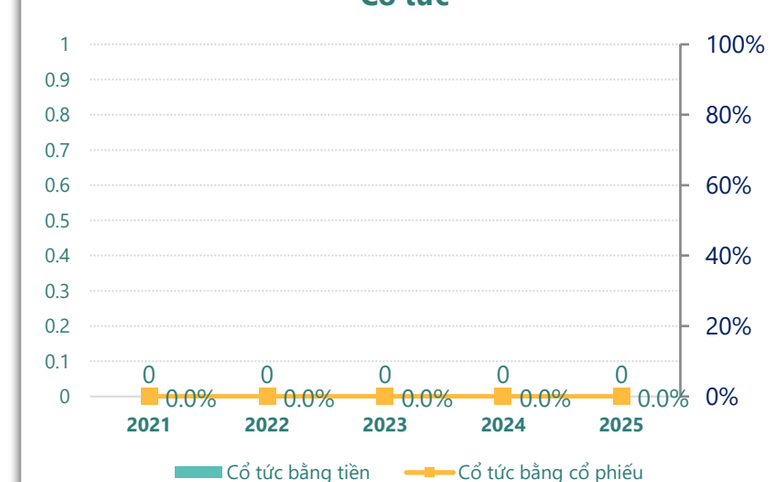
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

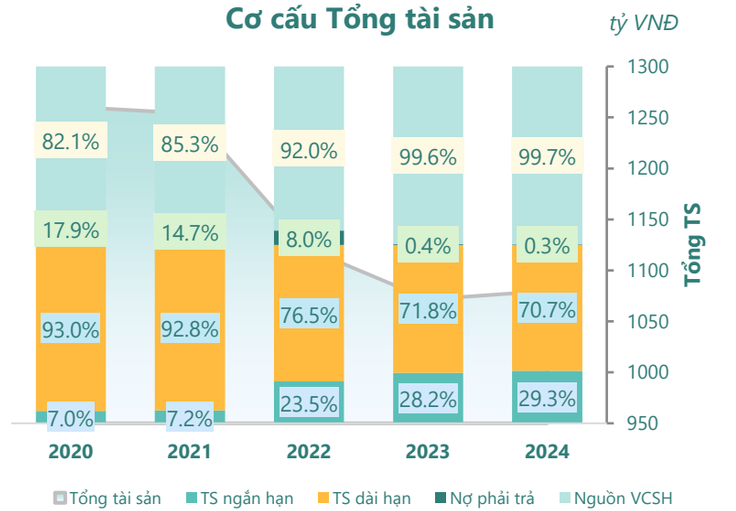
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

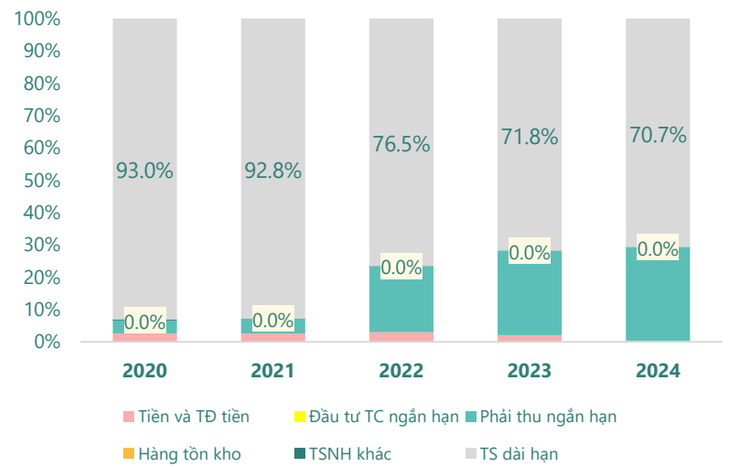
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



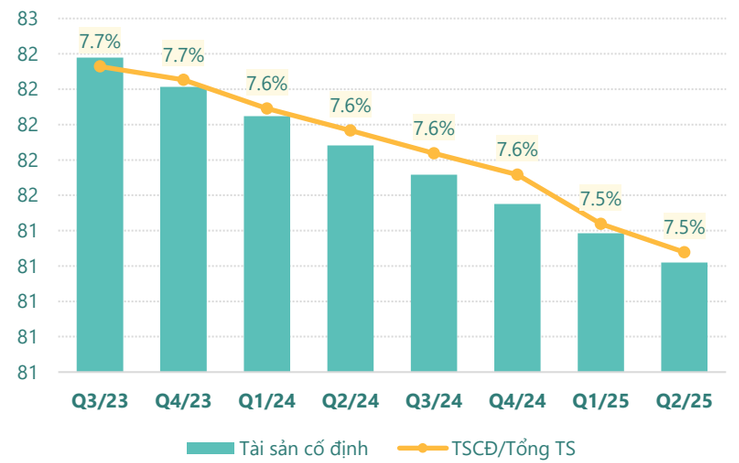
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



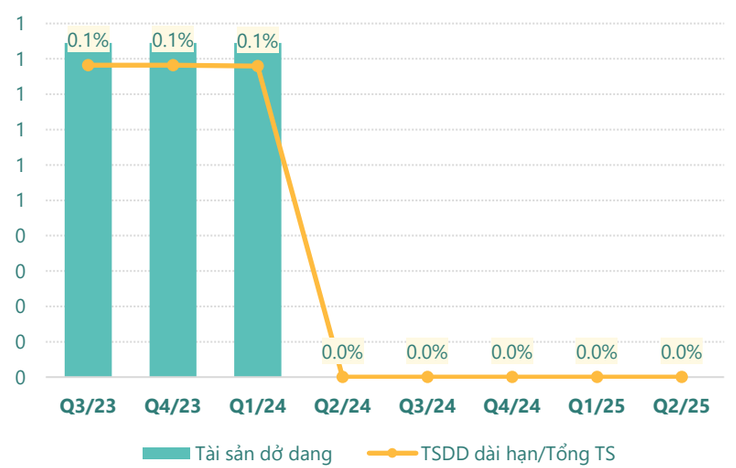
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



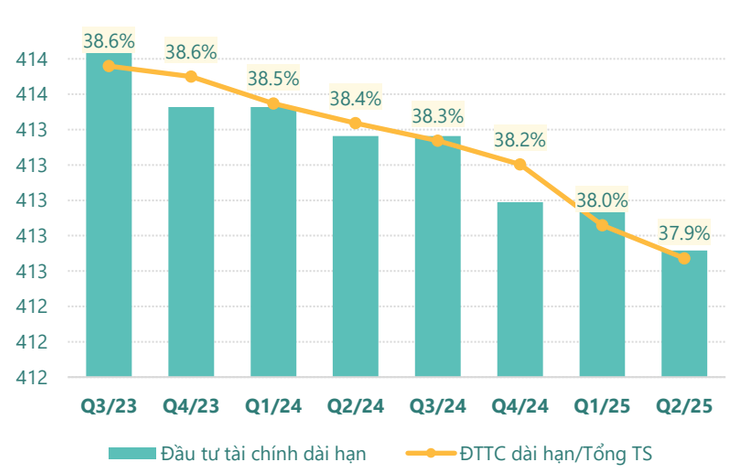
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



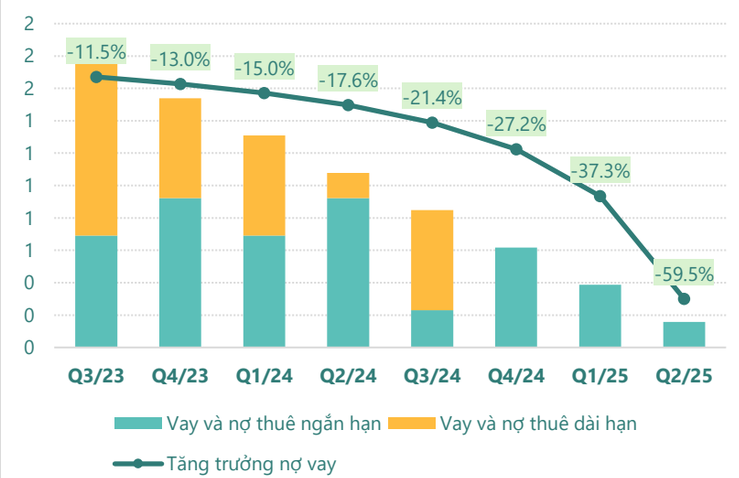
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

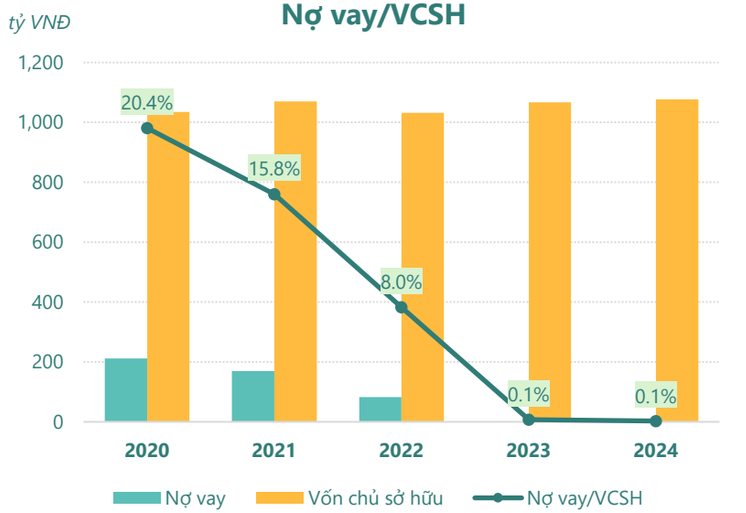
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

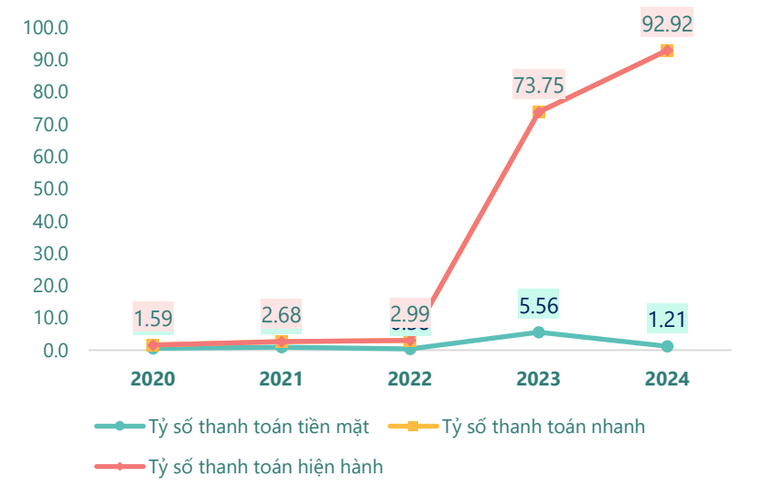
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



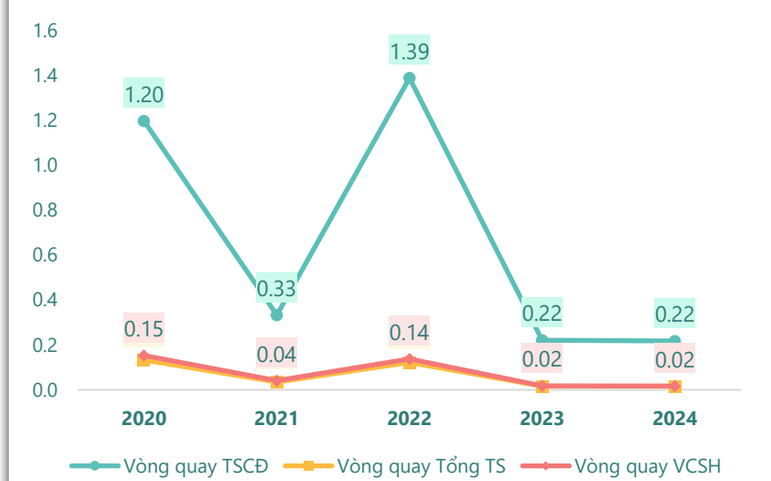
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



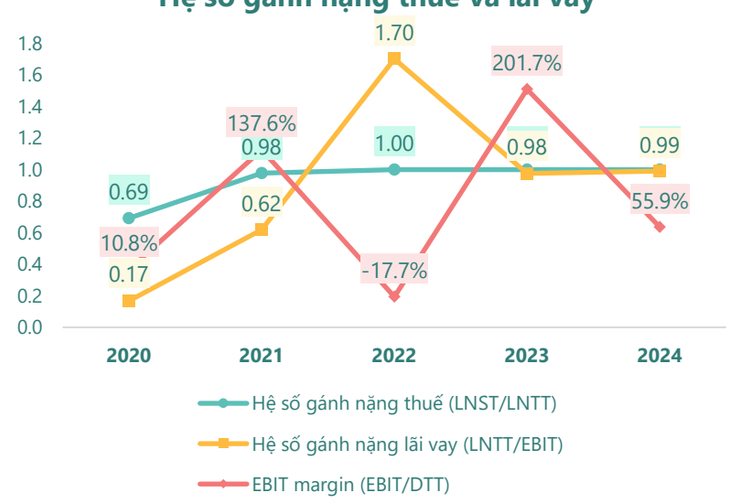
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



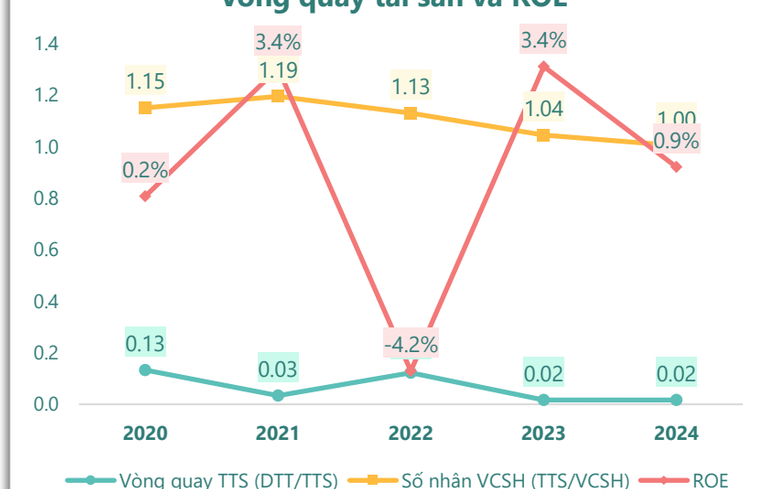
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



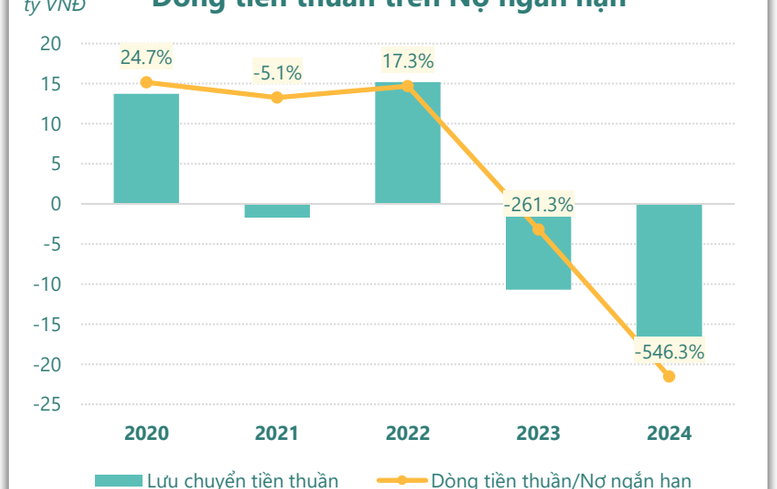
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.31**	**4.44**	**-2.9%**	**8.70**	**9.01**	**-3.5%**
Giá vốn hàng bán	1.50	1.47	1.9%	2.92	2.87	1.9%
Lợi nhuận gộp	2.81	2.97	-5.4%	5.77	6.14	-6.0%
Doanh thu HĐTC	1.40	1.00	39.6%	2.78	2.00	39.1%
Chi phí TC	3.99	0.19	1999%	0.29	0.22	28.2%
Chi phí lãi vay	0.01	0.03	-80.7%	0.02	0.06	-74.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**-2.58**	**0.82**	**-415%**	**-1.74**	**1.80**	**-197%**
LN thuần từ HĐKD	2.80	2.95	-5.0%	10.00	6.11	63.6%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.95**	**99.7%**	**-0.02**	**-0.95**	**97.5%**
LN trước thuế	2.80	2.00	40.0%	9.98	5.16	93.3%
Lợi nhuận sau thuế	**2.80**	**2.00**	**40.0%**	**9.98**	**5.16**	**93.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.80**	**2.00**	**40.0%**	**9.98**	**5.16**	**93.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.55	1.27	9.80	0.67	5.74	9.01
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-10.0	-20.0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.23	-0.23	-0.23	-0.23	-0.23	-0.23
Tiền đầu kỳ	22.8	23.1	24.1	23.7	4.13	9.64
Lưu chuyển tiền thuần	**0.32**	**1.04**	**-0.43**	**-19.6**	**5.51**	**8.78**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	23.1	24.1	23.7	4.13	9.64	18.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,090**	**1,080**	**0.9%**
Tài sản ngắn hạn	330	317	4.0%
Tiền và tương đương tiền	18.4	4.13	346%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	311	313	-0.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.16	0.15	5.3%
Tài sản dài hạn	**760**	**763**	**-0.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	81.2	81.6	-0.4%
Bất động sản đầu tư	266	268	-0.8%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	413	413	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.30	3.41	-3.2%
Nợ ngắn hạn	**3.30**	**3.41**	**-3.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.16	0.62	-74.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.75	0.75	-0.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,087**	**1,077**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,087**	**1,077**	**0.9%**
Vốn điều lệ	1,014	1,014	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)